

Số: /QĐ-SDTTG

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công khai dự toán (bổ sung) ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán cho các phòng chuyên môn của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 285/QĐ-STC ngày 23/10/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về phân bổ dự toán ngân sách địa phương thực hiện mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung các Sở, ban, ngành cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai dự toán (bổ sung) ngân sách nhà nước và phân bổ cho các phòng chuyên môn của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai.

Nội dung công khai và phân bổ: Dự toán bổ sung ngân sách địa phương thực hiện mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung các Sở, ban, ngành cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (số liệu chi tiết theo biểu số 01 Thông tư số 61/2017/TT-BTC)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Sở, công chức, người lao động thuộc Sở, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- Website Sở (công khai);
- Giám đốc và các phó Giám đốc;
- Lưu: VT, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Cư

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN THỰC HIỆN NĂM 2025 (BỔ SUNG)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SDTTG ngày /12/2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

STT	Nội dung	Tổng số dự toán được giao	Dự toán đã phân bổ	Trong đó				Ghi chú
				Văn phòng	Phòng Chính sách Dân tộc	Phòng Tín ngưỡng – Tôn giáo	Phòng Tuyên truyền	
A	B	1=2	2=3+4+5	3	4	5	6	7
I	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí							
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	900.000.000	900.000.000	900.000.000	0	0	0	
1	Chi quản lý hành chính	900.000.000	900.000.000	900.000.000	0	0	0	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	0	0	0	0	0	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (không thường xuyên - nguồn 15)	900.000.000	900.000.000	900.000.000	0	0	0	
-	Kinh phí thực hiện mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung các Sở, ban, ngành cấp tỉnh	900.000.000	900.000.000	900.000.000	0	0	0	